

Write these words into English.

1. ăn

9. ba

2. sợ hãi

10. mẹ

3. chơi

11. chị gái, em gái

4. ngủ

11. em trai, anh trai

5. con rùa

12. ông

6. con voi

13. bà

7. cô độc, đơn độc

14. bạn bè

8. buồn bã

15. gia đình